

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQĐ ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Kinh tế Đầu tư/Bachelor of Investment Economics
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Kinh tế Đầu tư/ Investment Economics
Mã ngành/Code:	7310104
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	184/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 24/02/2016 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Kiểm định chương trình:	Năm 2022
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Đầu Tư

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Chương trình Đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Kinh tế Đầu tư hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Kinh tế Đầu tư có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về đầu tư và có khả năng thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đầu tư; Có ý thức, trách nhiệm thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực đầu tư.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên có thể vận dụng trong lĩnh vực đầu tư
PO2	Có kiến nền tảng về kinh tế, quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về Kinh tế Đầu tư. Có khả năng nhận biết các quy luật kinh tế vận động trong lĩnh vực đầu tư
PO3	Có khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích, tổng hợp và đề xuất giải quyết các vấn đề liên quan đến đầu tư và quản lý đầu tư trong điều kiện hội nhập quốc tế và bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Có kỹ năng phân tích lựa chọn cơ hội đầu tư, phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư.
PO4	Có chính kiến và nhận thức đúng đắn về chính trị, luật pháp và về chuyên môn. Có sức khỏe và có đủ năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời và trở thành công dân toàn cầu. Có ý thức thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.
PO5	Có thái độ làm việc tích cực, chủ động, làm việc nhóm. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, có khả năng giao tiếp tốt.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Có kiến thức cơ bản về các lý thuyết đầu tư, nắm bắt các nguyên tắc quản lý nhà nước về đầu tư, có hiểu biết về hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư tại một doanh nghiệp/cơ quan/tổ chức
PLO1.5	Người học được trang bị đủ khối kiến thức nền tảng của ngành Kinh tế Đầu tư, để có thể vận dụng trong nghiên cứu và phân tích môi trường đầu tư, lập kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch đầu tư ở các ngành đặc thù; tích hợp để phát hiện vấn đề và đề xuất được các giải pháp đầu tư trong môi trường toàn cầu; thích ứng và tận dụng được lợi thế của CMCN4.0
PLO1.6	Người học được trang bị đủ kiến thức chuyên sâu để vận dụng trong thực thi các nhiệm vụ cụ thể của một chuyên viên trong lĩnh vực đầu tư; xác định nguyên nhân và ứng dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề đầu tư trong những tình huống cụ thể bằng giải pháp sáng tạo
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Có kỹ năng thu thập thông tin và nhận dạng vấn đề trong lĩnh vực đầu tư; Có đủ kỹ năng để lập kế hoạch và triển khai chương trình, dự án đầu tư, phát hiện cơ hội đầu tư, phân tích và đưa ra quyết định đầu tư.
PLO2.4	Có khả năng làm chủ kỹ thuật, công nghệ cần thiết, kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, sử dụng mô hình toán căn bản để phân tích,

guy

	diễn giải dữ liệu về đầu tư, kết quả và hiệu quả đầu tư. Cử nhân kinh tế đầu tư thành thạo trong phân tích, tổng hợp và sử lý những vấn đề liên quan đến đầu tư.
PLO2.5	Có khả năng ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề đầu tư trong những tình huống cụ thể; có kỹ năng thực hành thẩm định dự án, đấu thầu, định giá tài sản đầu tư, ...
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động đầu tư (mức 5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4).
PLO3.5	Có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ học tập suốt đời để thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0 và điều kiện môi trường luôn biến động
PLO3.6	Có đủ sức khỏe thể chất và tinh thần để thực hiện công việc thuộc lĩnh vực đầu tư tại các tổ chức, doanh nghiệp.

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1.1	x				
PLO1.2	x				
PLO1.3		x			
PLO1.4		x	x		
PLO1.5			x		
PLO1.6	x		x	x	
PLO2.1			x		
PLO2.2				x	
PLO2.3		x	x		
PLO2.4				x	
PLO2.5			x		
PLO3.1					x
PLO3.2			x		x

quy

PLO3.3					X
PLO3.4					X
PLO3.5			X	X	
PLO3.6					X

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

Cử nhân ngành Kinh tế Đầu tư có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, bộ phận quản lý đầu tư tại các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Trung tâm xúc tiến đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý dự án...); làm việc tại các Tập đoàn, Tổng công ty, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, các quỹ đầu tư... với các chức danh chuyên viên đầu tư, chuyên viên tư vấn, chuyên viên phân tích đầu tư, cán bộ thẩm định dự án, chuyên viên xúc tiến đầu tư, cán bộ quản lý rủi ro...; thực hiện các dự án khởi nghiệp và quản lý đầu tư cá nhân.

Cử nhân Kinh tế Đầu tư sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành cán bộ quản lý trong lĩnh vực đầu tư, trưởng phòng hoặc trưởng ban đầu tư tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính, phụ trách các trung tâm xúc tiến đầu tư.

Cử nhân ngành Kinh tế Đầu tư có cơ hội tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ sau đại học (thạc sĩ và tiến sĩ Kinh tế Đầu tư) có thể trở thành giảng viên, cán bộ nghiên cứu của các cơ sở đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh tại các trường Đại học, Viện nghiên cứu.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng -An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III -IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III=> VI	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III- VI	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV=> VII	
6	6	Pháp luật đại cương /Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
	1.2. Các học phần chung của Trường			21		

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV-V	
11	5	Ngoại ngữ / Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực (4 học phần chung của lĩnh vực)				12		
12 13 14 15	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and business	TKKD1129	3	II	
	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principle	KTKE1101	3	III	
	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	I	
	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83		
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành (4 học phần chung của nhóm ngành)				12		
16 17 18 19	1	Kinh tế Quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	III	KHMI1101 KHMA1101
	2	Kinh tế Lao động Labor Economics	NLKT1115	3	III	KHMI1101 KHMA1101
	3	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	V	KHMI1101 KHMA1101
	4	Kinh tế Phát triển Development Economics	PTKT1128	3	IV-V	DTKT1106
2.2. Các học phần của ngành				61		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				31		
20	1	Kinh tế Đầu tư 1 Investment Economics 1	DTKT1106	3	III	KHMI1101 KHMA1101
21	2	Lập dự án Project Design	DTKT1176	3	IV	DTKT1106
22	3	Quản lý dự án Project Management	DTKT1177	3	V	DTKT1155
23	4	Kinh tế học cho người ra quyết định đầu tư Economics for Investment Decision Makers	DTKT1119	3	IV	DTKT1106
23	5	Kinh tế Đầu tư 2 Investment Economics 2	DTKT1126	3	VI	DTKT1106
24	6	Đầu tư quốc tế International Economics	DTKT1120	3	V	DTKT1106
25	7	Đầu thầu Procurement	DTKT1133	3	V	DTKT1163
26	8	Tin học quản lý đầu tư	DTKT1149	3	VII	DTKT1155

STT		Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		Using softwares to establish and manage project				
27	9	Thị trường vốn Capital Market	DTKT1116	3	VI	DTKT1106
29	10	Chuyên đề thực tế (Project)	DTKT1174	4	IV-V-VI	
		2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)		30		
	1	Đầu tư tài chính Financial Investment	DTKT1134	3	VII	DTKT1116
	2	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	KTTC1111	3	VII	DTKT1116
	3	Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal	DTKT1169	3	VI	DTKT1155
	4	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	VI	KHMI1101 KHMA1101
	5	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3	V	DTKT1106
30	6	Kinh tế Bảo hiểm Insurance Economics	BHKT1156	3	V	KHMI1101 KHMA1101
31	7	Tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp New Venture Creation	QTTH1133	3	VI	DTKT1106
32	8	Pháp luật về đầu tư Law on Investment	LUKD1163	3	IV-V	DTKT1106
33	9	Đánh giá giá trị doanh nghiệp Corporate Valuation	MKDG1114	3	VII	DTKT1106
34	10	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMKQ1107	3	VII	TMKQ1123
35	11	Kế toán dự án Investment Project Accounting	KTKE1107	3	VII	DTKT1155
36	12	Ngân hàng thương mại Commercial Banking	NHTM1121	3	VI	DTKT1116
37	13	Quản trị rủi ro Risk management	NHTM1114	3	VII	DTKT1163
38	14	Đầu tư theo phương thức (PPP) Public Private Partnership	DTKT1123	3	VII	DTKT1106
39	15	Thống kê Kinh tế Economic Statistics	TKKT1110	3	V	DTKT1106
40		2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	DTKT1172	10	VIII	
		Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)		130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.
- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết.
- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.
- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận...
- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...
- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.
- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.
- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).
- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế Đầu tư đã tham khảo chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Đầu tư của trường Đại học Tài chính và Kinh tế Thượng Hải, Trung Quốc và Chương trình Đào tạo cử nhân Quản lý đầu tư của Trường Đại học McGill, Canada.

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và Hành vi, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Khoa học Xã hội và Hành vi, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và Hành vi, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và hành vi, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong

báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

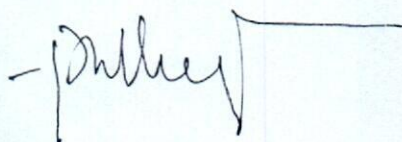
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CDR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

TRƯỜNG KHOA



PGS.TS Phạm Văn Hùng

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương